

Thông tư trước (số 5) của Liên bộ có nhấn mạnh tiền trợ cấp đắp đê không được dùng vào công tác khác ngoài công tác đắp đê theo kế hoạch của Trung ương và phải dành phần lớn để thủ lao dân công. Mỗi người đi đắp đê phải được hưởng một số tiền thủ lao nhất định tùy theo khối lượng đất đã thực hiện và không phải bình nghị. Đó là nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động vừa để bảo đảm kế hoạch vừa gây phấn khởi hào hứng đẩy mạnh năng suất.

Để bảo đảm tất cả tiền đắp đê đưa xuống hết địa phương Bộ Thủy lợi căn cứ vào điều kiện đắp đê khó dễ, cao thấp, xa gần của các triền đê mà phân ra 3 mức trợ cấp bình quân:

1. Loại dễ, 1 thước khối trợ cấp 0đ50
  2. Loại khó, 1 thước khối trợ cấp 0đ60
  3. Loại đặc biệt khó, 1 thước khối trợ cấp 0đ70
- và tính toán xét cấp kinh phí tùy theo khối lượng từng loại đê của các khu, tỉnh và thành.

Mỗi khu, tỉnh, thành sẽ căn cứ vào kinh phí được Bộ Thủy lợi cấp, vào khối lượng và điều kiện đắp đê khó dễ cao thấp gần xa đúng với thực tế từng vùng, từng nơi trong mỗi triền đê mà phân ra nhiều mức trợ cấp. Nơi nào dễ làm năng suất bình quân cao thì mức trợ cấp theo thước khối sẽ ít, nơi nào khó làm năng suất bình quân thấp thì mức trợ cấp theo thước khối sẽ nhiều hơn, cứ như thế bù qua sát lại để bảo đảm cấp phát tối thiểu 83% tổng số kinh phí vào tay dân công và thu hoạch của mỗi ngày công sẽ tương đương nhau trên các công trường nếu đạt được năng suất bình quân.

Số tiền dành lại cho mỗi khoản gián tiếp phí và quản lý phí (bao gồm các khoản bồi thường, tuyên truyền thi đua, thuốc men, tai nạn, mua sắm dụng cụ, xe tàu vận chuyển, khó khăn đột xuất,...) không được quá 17% tổng số kinh phí.

Tính toán cân đối và quy định các mức trợ cấp xong thì ở từng công trường phải công bố mức trợ cấp 1 thước khối đất cho dân công biết.

Đối với địa phương nào nhờ công tác chính trị tốt, sinh hoạt của nhân dân tương đối khá, dân công hăng hái phấn khởi đắp đê bảo đảm khối lượng chất lượng và thời hạn, lại thật sự tự nguyện tự giác không nhận trợ cấp hoặc nhận một mức ít hơn mức trợ cấp đã công bố, thì khu, tỉnh hoặc thành không nên từ chối mà phải báo cáo cho Liên bộ biết, đồng thời phải nộp số kinh phí dôi ra vào công quỹ chứ không được dùng cho địa phương khác hoặc cho việc khác. Đây là trường hợp hãn hữu và phải dựa trên cơ sở nhiệm vụ đắp đê và các mức trợ cấp đã được công bố rõ ràng, dân công thật sự tự nguyện, tuyệt đối không vận động một cách gò ép.

Các khu, tỉnh và thành phải hoàn thành nhiệm vụ tốt để bảo đảm khối lượng chất lượng và thời hạn nhưng không được xin thêm kinh phí vì Bộ Thủy lợi đã phân phối hết số kinh phí Nhà nước quy định cho công tác đắp đê năm 1960.

Trong quá trình công tác, cán bộ công trường phải ra sức lãnh đạo động viên thi đua và giao khoán cho dân công. Về phần xã và dân công thì phải có trách nhiệm nhận khoán, hăng hái thi đua

cải tiến dụng cụ, cải tiến tổ chức và kỹ thuật, tăng hiệu suất lao động để bảo đảm thực hiện vượt mức kế hoạch tỉnh, huyện đã giao cho.

Hà nội, ngày 5 tháng 2 năm 1960

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy lợi      K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động  
Thủ trưởng      Thủ trưởng  
TRẦN QUÝ KIÊN      LÊ MINH HIỀN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng  
TRỊNH VĂN BÌNH

## CÁC BỘ

### BỘ NỘI VỤ

**NGHỊ ĐỊNH số 645-NV ngày 6-1-1960**  
giải thể Phòng Việt kiều thuộc Vụ  
Dân chính, Bộ Nội vụ.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 8-SL ngày 5-3-1946 tổ chức Bộ  
Nội vụ;

Căn cứ nghị định số 518-NV ngày 17-9-1959 thành lập  
Phòng Việt kiều trong Vụ Dân chính Bộ Nội vụ và nghị  
định 416-TTg ngày 23-11-1959 của Thủ tướng Chính phủ  
thành lập Ban Việt kiều trung ương;

Xét nhiệm vụ đón tiếp Việt kiều về nước đã do Ban  
Việt kiều trung ương phụ trách;

### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay giải thể Phòng Việt kiều thuộc Vụ  
Dân chính.

Điều 2. — Nhiệm vụ đón tiếp Việt kiều về nước  
của Vụ Dân chính chuyển giao sang Ban Việt kiều  
trung ương phụ trách theo nghị định số 416-TTg  
ngày 23-11-1959 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc  
Vụ Dân chính và Trưởng phòng tổ chức cán bộ Bộ  
Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 6 tháng 1 năm 1960

Bộ trưởng Bộ Nội vụ  
PHAN KẾ TOẠI

**THÔNG TƯ số 3-NV/TB/PV ngày 14-1-1960** về việc thi hành chính sách giúp đỡ thương binh, bệnh binh, quân nhân phục viên và các gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Kính gửi: Ủy ban hành chính, các khu,  
thành, tỉnh,  
Ty Thương binh các tỉnh.

Chính sách giúp đỡ thương binh, bệnh binh, quân nhân phục viên và các gia đình liệt sĩ trong